

**PHỤ LỤC 1**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ**  
**VIỆT NAM – NHẬT BẢN (VJEPA)**  
**GIAI ĐOẠN 2018 - 2021**

*(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày tháng năm 2022)*

**1. Đánh giá tổng thể**

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Dự thảo Nghị định đã đảm bảo được các yêu cầu sau:

- *Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp:* Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó có chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định VJEPA là nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất giữa Việt Nam với Nhật Bản.

Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Hải quan năm 2014.

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật:* Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định VJEPA giai đoạn 2022 - 2028 đã được rà soát, đảm bảo tương thích, đồng bộ với các Luật, Nghị định liên quan như Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Luật Thương mại.

- *Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:* Các nội dung của dự thảo Nghị định đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định VJEPA và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Việc ban hành Nghị định theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 5 năm sẽ hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

**2. Đánh giá tình hình thực thi Hiệp định VJEPA**

Hiệp định VJEPA có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2009. Theo cam kết của Hiệp định, thuế nhập khẩu được cắt giảm đều theo lộ trình, bắt đầu từ năm 2009 và kết thúc vào năm 2026. Đến năm cuối lộ trình 2026, mức thuế suất thuế nhập khẩu trung bình toàn biểu là 0,34% tự do hóa hơn nhiều so với mức thuế suất thuế MFN ban hành theo Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ là 11,86%. Theo đánh giá chung, các nhóm hàng có kim ngạch lớn và giảm thuế mạnh trong giai đoạn 2018 - 2021 gồm: máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng (chương 82, 84, 85), máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (chương 84, chương 85), Sắt, thép, phôi thép, đồng, kim loại cơ bản, kim loại thường khác, và sản phẩm bằng sắt, thép, kim loại cơ bản (chương 87: 8702, 8703, 8704, 8711).

Kim ngạch nhập khẩu trung bình giai đoạn 2018 – 2021 của khu vực VJ là khoảng 20,35 tỷ USD, trong đó năm 2021 đạt 22,55 tỷ USD, tăng thêm 18% so với năm 2018. Tỷ lệ tận dụng ưu đãi đặc biệt của năm 2021 là 5%. Số liệu này cho thấy việc thực hiện Hiệp định VJEPA thời gian qua đã có những tác động tích cực đến giá trị nhập khẩu từ thị trường các nước thực thi hiệp định.

Trong năm 2021, Việt Nam nhập khẩu 22,55 tỉ USD trong khuôn khổ Hiệp định VJEPA. Mặc dù chỉ chiếm khoảng 6,8% tổng kim ngạch nhập khẩu từ thế giới, nhưng mức nhập khẩu này đã tăng 10,9% (tương đương với khoảng 2,2 tỉ USD) so với năm 2020, trong đó tăng mạnh nhất là các mặt hàng quặng và khoáng sản, lúa mì, bông các loại, than các loại, phế liệu sắt thép... Bên cạnh đó, cũng có một số mặt hàng giảm nhập khẩu đáng kể trong khuôn khổ VJEPA như: điện thoại các loại và linh kiện (giảm 99 triệu USD), vải các loại (giảm 8 triệu USD), linh kiện ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống (giảm 6,5 triệu USD), thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh (giảm 35 triệu USD),... nhóm mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn gồm:

Bảng 1: Các mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn từ Việt Nam-Nhật  
Bản năm 2021

*Đơn vị: triệu USD*

STT	Nhóm mặt hàng	KNNK năm 2021
1	Máy vi tính, Sản phẩm điện tử & linh kiện	6.200
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	4.441
3	Sắt thép loại khác	1.718
4	Chất dẻo nguyên liệu	1.075
5	Hàng hóa khác	1.062

Xét về số liệu nhập khẩu theo Giấy chứng nhận xuất xứ của Hiệp định (C/O Form VJ), trong năm 2021, kim ngạch nhập khẩu theo Form VJ đạt 1,157 triệu USD, cao hơn so với năm 2020 là 1,051 triệu USD. Các nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn tận dụng được ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định gồm: linh kiện ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống, giấy các loại, máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng, sắt thép loại khác, hàng hóa khác ...

*Bảng 2: Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất VJEPA*

*Đơn vị: triệu USD*

<b>Nhóm hàng</b>	<b>Giá trị nhập khẩu 2021 hưởng form VJEPA</b>
Linh kiện ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống	383
Giấy các loại	148
Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	102
Sắt thép loại khác	85
Hàng hóa khác	82

Căn cứ thống kê hải quan, số thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam theo form VJ giai đoạn 2018 - 2021 đạt mức trung bình khoảng 114 tỷ đồng. Trong đó có giai đoạn giảm từ 214 triệu đồng (năm 2019) xuống còn 141 tỷ VND (năm 2020), và tiếp tục giảm, đạt 100 tỷ năm 2021. Lí do chính ở đây là sự ảnh hưởng của dịch bệnh lên nền kinh tế nên số thu giai đoạn 2020 giảm mạnh so với thời kỳ trước và đang phục hồi lại từ năm 2021. Chi tiết số thu theo một số nhóm hàng tiêu biểu tại bảng sau:

*Đơn vị: nghìn đồng*

<b>STT</b>	<b>Nhóm hàng</b>	<b>Thu NK 2020</b>	<b>Thu NK 2021</b>	<b>Tăng/giảm thu</b>
1	Linh kiện phụ tùng ô tô	0	65.206.649	65.206.649
2	Hàng hóa khác	962.790	8.024.757	7.061.966
3	Sản phẩm hóa chất	46.598	7.146.521	7.099.922
4	Ô tô loại khác	257.625	2.672.190	2.414.565
5	Hàng điện gia dụng và linh kiện	2.493	1.790.570	1.788.077

Quá trình thực hiện Nghị định 155/NĐ-CP ngày 27/12/2017 không nảy sinh các vấn đề, bất cập. Việc ban hành Nghị định biểu thuế cho giai đoạn tiếp theo cần kế thừa các nội dung đã thể hiện được giá trị thực tế trong thực thi cam kết.

### **3. Đánh giá tác động của điều chỉnh biểu thuế**

- Do biểu thuế được xây dựng trên cơ sở bám sát cam kết tại Hiệp định nên về cơ bản thuế suất không thay đổi so với lộ trình đã cam kết. Trong tổng số **11.472** dòng hàng theo AHTN 2022 cấp độ 8, có **10.738** dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được chuyển đổi 1:1 (mã hàng không thay đổi) từ AHTN 2017, có 339 dòng thuế 8 số theo AHTN 2022 được gộp từ các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau. Chỉ có 25 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được gộp từ các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau. Tuy nhiên, các trường hợp này đều được chuyển đổi theo phương án chi tiết hoá thêm một số dòng thuế ở cấp độ trên 8 số hoặc tìm ra bản chất tương quan với mã 10 số của AHTN 2017, theo đó đều bảo lưu cam kết gốc của Việt Nam tại các Hiệp định.

- Về cơ bản, phần lớn các mã hàng trong Biểu thuế không thay đổi so với Biểu thuế theo Nghị định số 155/2017/NĐ-CP hiện hành. Như vậy, việc ban hành Nghị định không phát sinh tác động đến việc thực thi các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định VJEPA đồng thời đảm bảo tính ổn định của biểu thuế ưu đãi đặc biệt.

- Danh mục AHTN 2022 cấu trúc lại một số nhóm hàng, phân nhóm hàng, chi tiết thêm một số dòng hàng mới, những thay đổi này mục đích là để phù hợp với sự phát triển công nghệ và trao đổi thương mại quốc tế, thực hiện các cam kết theo các công ước, hiệp ước nhằm bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh thế giới, kiểm soát hóa chất, vũ khí độc hại... về cơ bản những thay đổi này không ảnh hưởng đến chính sách quản lý thuế hiện hành. Đối với các mặt hàng mới và dòng hàng bị gộp từ nhiều dòng thuế có sự khác biệt về thuế suất và lộ trình cam kết cắt giảm thuế quan, Bộ Tài chính đã rà soát các cam kết gốc và thực hiện theo nguyên tắc chuyển đổi trong quá trình xây dựng Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt Hiệp định VJEPA giai đoạn 2022 - 2028 theo Danh mục AHTN 2022 để đảm bảo không ảnh hưởng đến thu ngân sách và các chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, chính sách quản lý mặt hàng.

Một số nhóm hàng chính có sự thay đổi thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế VJEPA theo AHTN 2022 bao gồm thủy sản – động vật thân mềm (Nhóm 0307), chế phẩm thực phẩm – xúc xích (nhóm 1601), cao su tự nhiên (nhóm 4001) ô tô và các loại xe khác có động cơ được thiết kế chở người (nhóm 8703). Bộ Tài chính đã tuân thủ các nguyên tắc xây dựng thuế suất đảm bảo lợi ích và bảo lưu

cam kết thuế quan của Việt Nam theo Hiệp định VJEPA, các mặt hàng có thay đổi thuế suất nêu trên cơ bản được tách mã ở cấp độ 10 số. Đối với các nhóm hàng này, năm 2021, chủ yếu phát sinh kim ngạch ở mặt hàng cao su tự nhiên (nhóm 4001) khoảng 1,815 tỷ USD (chiếm 2% tổng nhập khẩu trong khuôn khổ Hiệp định VJEPA năm 2021). Mức thuế suất từ 0% đến 5%.

- Theo cam kết trong Hiệp định VJEPA, đến năm cuối lộ trình 2026, 89,4% số dòng thuế trong biểu thuế thuộc danh mục thông thường của Việt Nam đạt mức 0%, tập trung chủ yếu nằm ở các nhóm: bánh kẹo, bông các loại, cao su, phân bón, thủy sản, thức ăn gia súc, hàng rau quả, giấy, gỗ, linh kiện phụ tùng, phương tiện vận tải, chất dẻo, hóa chất, dầu mỡ, sắt thép, máy móc thiết bị, sữa, lúa mì, chế phẩm, dầu mỡ động thực vật, đậu tương... Theo lộ trình cắt giảm thuế quan Việt Nam – Nhật Bản, mức thuế suất bình quân (tính các dòng có thuế suất) cho giai đoạn 2022 – 2028 tính trên tổng biểu thuế Nghị định ban hành vào khoảng 0,95%.

- Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Việt Nam đã hoàn thành cơ bản cam kết thuế trong VJEPA (thời điểm cuối lộ trình là năm 2026), do đó thuế suất cam kết cho giai đoạn 2022 - 2028 không có sự thay đổi lớn.

Tác động tăng/giảm thu ngân sách cho từng giai đoạn cắt giảm thuế quan đã được đánh giá vào thời điểm đàm phán lộ trình giảm thuế khi ký kết các FTA, đồng thời cũng được đánh giá tổng thể trong dự toán ngân sách hàng năm.